

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST

Ngày: 21/11/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lược.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nhạc Thị X, sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà 17/2, đường 12, ấp S, xã M, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 17 đường 55, khu phố X, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, tại bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nhạc Thị X trình bày:

Đầu tháng 01/2021, do có quen biết với bà Phạm Thị C nên bà Nhạc Thị X cho bà C vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Tháng 02/2021, bà C vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng. Tháng 03/2021, bà C vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng. Các lần vay không có làm biên bản giao nhận. Đến ngày 04/01/2022, bà X yêu cầu bà C viết giấy biên nhận xác nhận việc vay tiền và chốt số tiền bà C nợ bà X.

Từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021, bà C trả cho bà X được 2.000.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 03/2021 đến tháng 10/2021 do dịch bệnh Covid- 19 nên không trả lãi. Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 bà C trả cho bà X được 6.500.000 đồng tiền lãi. Đồng thời, bà C hẹn bà X đến tháng 12/2021, bà C cam kết

sẽ thanh toán hết số tiền gốc là 30.000.000 đồng nhưng không thực hiện. Đến tháng 03/2022, bà C vay thêm bà X 3.000.000 đồng. Bà C thanh toán được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 2.000.000 đồng.

Tổng cộng tất cả các khoản vay, bà C còn nợ bà X số tiền vay 30.000.000 đồng, hẹn tháng 05/2022 sẽ thanh toán hết nhưng bà C đã không thực hiện. Bà Nhạc Thị X yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm thanh toán cho bà X số tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo biên nhận ngày 04/01/2022. Bà X không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Nguyên đơn bà Nhạc Thị X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Phạm Thị C có lời khai trình bày:

Vào năm 2019, bà C có quen biết với bà X vì có chơi hụi do bà X làm chủ. Sau bà X chuyển sang cho vay tiền góp nhiều lần lãi suất cao. Giấy biên nhận nợ ngày 04/01/2022 chính là chữ ký của bà C.

Đối với số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng là có nhưng bà C xin bà X cho bà C thanh toán số tiền 10.000.000 đồng, không đồng ý thanh toán 30.000.000 đồng như đơn khởi kiện và xin trả góp hàng tháng. Bà C trình bày thêm trong thời gian vay, bà C có trả tiền lãi và gốc cho bà X nhiều lần nhưng bà X ghi vào sổ của bà X, bà C không giữ nên không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án. Hiện tại, do bà C làm ăn thất bại nên không có khả năng trả tiền cho bà X.

Bị đơn bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Viện đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thủ tục xét xử theo quy định pháp luật, người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt là chấp hành đúng quy định pháp luật, việc Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm giải quyết của Viện kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền vay gốc và tiền lãi đến thời điểm xét xử trên cơ sở khấu trừ số tiền lãi đã thanh toán và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện B nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 277, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đủ căn cứ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nhạc Thị X yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị C thanh toán số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng):

[3.1] Tại “Giấy mượn tiền” ngày 04/01/2022 thể hiện nội dung bị đơn bà C có vay của bà X số tiền 30.000.000 đồng, không thể hiện thỏa thuận lãi suất; bên dưới của văn bản có chữ ký, dòng chữ ghi họ và tên “Phạm Thị C”; tại biên bản hoà giải ngày 28/10/2022 (BL 26) bà X thừa nhận có nhận tiền lãi của bà C (10%/tháng) là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản và có lãi suất theo Điều 463 và khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

[3.2] Về khoản tiền lãi từ khi vay đến nay, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán nhưng bị đơn có tranh chấp và bị đơn chỉ đồng ý thanh toán 10.000.000 đồng cho nguyên đơn và xin trả góp hàng tháng. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét về thời gian vay, số tiền vay và số tiền lãi đã thanh toán (trên cơ sở lời thừa nhận của nguyên đơn) để tính lại từ thời điểm vay theo khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau:

Bà X thừa nhận từ tháng 01/2021 đến tháng 03/2021, bà C thanh toán được 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền lãi. Từ tháng 3/2021 đến tháng 10/2021 do dịch bệnh Covid-19 nên không thanh toán tiền lãi. Từ tháng 10/2021 đến tháng 12/2021 bà C thanh toán 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi với mức lãi suất 10%/tháng là quá cao so với quy định của khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Như vậy, tổng cộng nguyên đơn đã nhận 8.500.000 đồng tiền lãi. Theo Văn bản thỏa thuận hạn chót thanh toán hết nợ là 05/3/2022, như vậy ngày 05/3/2022 là hạn chót thanh toán nợ.

[3.3] Tiền lãi trong hạn của số tiền nay 30.000.000 đồng từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2022 là 22 tháng x lãi suất 1,66%/tháng (20%/năm) là 10.956.000 đồng; bà X đã nhận 8.500.000 đồng tiền lãi, khấu trừ vào tiền lãi phải thanh toán là 10.956.000 đồng còn lại 2.456.000 đồng là tiền lãi trong hạn bị đơn phải thanh toán nhưng chưa thanh toán, cộng với số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng; tổng cộng tiền lãi và tiền gốc đến thời điểm xét xử tháng 11/2022 bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 32.456.000 đồng là có căn cứ.

[4] Bị đơn bà C cho rằng bà C chỉ phải thanh toán cho bà X số tiền 10.000.000 đồng là không có căn cứ.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như trên là hoàn toàn có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 235, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhạc Thị X đối với bà Phạm Thị C như sau:

Buộc bà Phạm Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nhạc Thị X số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và 2.456.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền lãi. Tổng cộng là 32.456.000 đồng (Ba mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị C phải chịu số tiền 1.622.800 đồng (Một triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nhạc Thị X là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng